

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/DS-ST

Ngày: 16/6/2025

“V/v Tranh chấp dân sự về bồi thường
thiệt hại sức khỏe”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Minh Châu

2. Ông Phạm Thiện Bửu .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 16 tháng 6 và năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại sức khỏe”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69a/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1998;

Bị đơn: Anh Lê Văn N1, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Vào ngày 28/11/2024 tôi bị ông Ngô Văn T và ông Lê Văn N1 gây thương tích và đã được Công an thành phố H hòa giải thỏa thuận bồi thường 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Ông Ngô Văn T đã bồi thường cho tôi 2.000.000đ (Hai triệu đồng) xong, còn ông Lê Văn N1 đến nay không thực hiện bồi thường cho tôi. Nay tôi khởi kiện ông Lê Văn

N1 yêu cầu thực hiện bồi thường cho tôi số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo thỏa thuận ngày 28/11/2024. Tuy nhiên trong Tờ Thỏa thuận tôi cung cấp cho Tòa án có tên ông Nguyễn Văn L là cha ruột của tôi và Nguyễn Tổng N2 là em ruột của tôi nhưng việc bồi thường không có liên quan gì đến cha và em tôi mà việc thỏa thuận bồi thường là cho tôi. Do đó nay tôi khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn N1 phải thực hiện bồi thường cho tôi số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Bị đơn anh Lê Văn N1 đã được triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện “Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại sức khỏe” nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn N1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc nguyên đơn anh Nguyễn Văn N yêu cầu anh Lê Văn N1 phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2024 nhưng đến nay anh Lê Văn N1 chưa thực hiện bồi thường. Anh Nguyễn Văn N có cung cấp Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2024. Xét thấy trong Biên bản thỏa thuận dân sự ngày 28/11/2024 có tên của ông Nguyễn văn L và Nguyễn Tổng N2 nhưng theo văn bản ý kiến ông Nguyễn Văn L và Nguyễn Tổng N2 đều xác định ông Nguyễn Văn L là cha ruột của anh N, Nguyễn Tổng N2 là em ruột anh Nguyễn Văn N chỉ đến tham dự cùng với anh Nguyễn Văn N trong việc ông Nguyễn Văn T1 và ông Lê Văn N1 thỏa thuận bồi thường cho anh Nguyễn Văn N mỗi người 2.000.000đ (Hai triệu đồng), phần ông Ngô Văn T đã bồi thường xong còn anh Lê Văn N1 đến nay chưa thực hiện bồi thường, chứ không có liên quan gì đến ông Nguyễn Văn L với anh Nguyễn Tổng N2. Đối với phần nội dung Biên bản thỏa thuận dân sự ngày 28/11/2024 ông Ngô Văn T và ông Lê Văn N1 trình bày: *“Qua vụ việc nói trên, chúng tôi nhận thấy việc làm của chúng tôi là sai trái. Chúng tôi thống nhất bồi thường 4.000.000đồng trên (trong đó Lê Văn N1 bồi thường*

2.000.000đồng và Ngô Văn T bồi thường 2.000.000đồng), chúng tôi không ý kiến và yêu cầu gì khác”. Xét thấy tại Đơn khởi kiện và các Biên bản lời khai anh Nguyễn Văn N đều xác nhận ông Ngô Văn T đã thực hiện bồi thường xong cho anh Nguyễn Văn N 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Còn anh Lê Văn N1 chưa thực hiện bồi thường. Do đó nay anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Lê Văn N1 phải thực hiện bồi thường 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2024 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc bị đơn anh Lê Văn N1 có nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện và cũng không có văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Như vậy thấy rằng anh Lê Văn N1 cố tình không hợp tác trong việc giải quyết vụ án, do đó buộc anh Lê Văn N1 phải thực hiện bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/11/2024 tại ấp T, xã T là hoàn toàn phù hợp.

[4] Để đảm bảo quyền lợi cho anh Nguyễn Văn N trong quá trình thi hành án. Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N được chấp nhận yêu cầu nên bị đơn anh Lê Văn N1 phải chịu tiền án phí. Do yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn N được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn N không phải nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468, 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 14, 15 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N.

- Buộc bị đơn anh Lê Văn N1 phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Bản án này được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị)

Về án phí:

- Buộc anh Lê Văn N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn N được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn N không phải nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Minh Châu Phạm Thiện B

Phan Thị Mỹ D